

Bản án số: 306/2020/HN&GD-ST

Ngày 22/9/2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thư.

Bà Đỗ Thị Vân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị X, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn S (nay là thôn T), xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn S (nay là thôn T), xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2020, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Lê Thị X thể hiện như sau:

Tôi và anh Hoàng Văn C đã có thời gian tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L theo đúng quy định của pháp luật và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 06/02/1998. Trong thời gian đầu vợ

chồng sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng càng về sau chúng tôi thường xuyên cãi nhau, không hiểu và thông cảm cho nhau những điều vụn vặt trong cuộc sống. Gần đây tôi phải chấp nhận cuộc sống ly thân để nuôi dạy con cái ăn học trưởng thành. Dù đã nhiều lần cùng nhau bàn bạc và chia sẻ nhưng chồng tôi vẫn không thay đổi. Đến nay khi con chung của chúng tôi cháu lớn đã trưởng thành nhưng chồng tôi vẫn chứng nào tật đó không thay đổi và không có trách nhiệm chăm lo gia đình con cái. Hiện nay giữa chúng tôi đã không tìm được tiếng nói chung, về tình cảm không thể hàn gắn được, tình trạng hôn nhân ngày càng trở nên trầm trọng, không thể kéo dài thêm được nữa. Nay đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Châu A, sinh ngày 08/10/1999, nay đã trưởng thành và cháu Hoàng Lê Uyên N, sinh ngày 06/4/2008. Ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Lê Uyên N và không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt, ngày 08/7/2020 Tòa án đã cùng với Thôn trưởng của thôn anh C cư trú đã trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án số 193/TB-TLVA ngày 12/6/2020, Giấy triệu tập đương sự lần 3 ngày 07/7/2020, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 193/TB-TA ngày 08/7/2020 nhưng anh C không nhận và không ký nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn không có sự thay đổi, bổ sung, rút toàn bộ về yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt nên không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lê Thị X; cho chị Lê Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn C; công nhận chị X và anh C có 02 con chung là Hoàng Lê Châu A, sinh ngày 08/10/1999 (đã thành niên) và cháu Hoàng Lê Uyên N, sinh ngày 06/4/2008. Giao chị X chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Uyên N; chấp nhận việc không

yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị X; chị X chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị X và anh Hoàng Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị X thì vợ chồng sau khi cưới sống với nhau rất hạnh phúc được một thời gian, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau những điều vụn vặt trong cuộc sống, vợ chồng đã nhiều lần cùng nhau bàn bạc và chia sẻ nhưng anh C vẫn không thay đổi, không có trách nhiệm đối với gia đình, không chịu làm ăn, đến năm 2017 chị X đã sống ly thân và tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị được ly hôn.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt, ngày 08/7/2020 Tòa án đã cùng với Thôn trưởng của thôn anh C cư trú đã trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án số 193/TB-TLVA ngày 12/6/2020, Giấy triệu tập đương sự lần 3 ngày 07/7/2020, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 193/TB-TA ngày 08/7/2020 nhưng anh C không nhận và không ký nhận.

Quá trình giải quyết vụ án anh C đã không nhận các văn bản của Tòa án, không hợp tác làm việc do đó cũng không thể hiện ý chí nguyện vọng của anh C như thế nào, nhưng anh C đã biết nội dung về việc chị X làm đơn ly hôn đối với anh, như vậy cũng có thể xác định anh C cũng không quan tâm đến cuộc hôn nhân này của mình, bỏ mặc không có mong muốn để vợ chồng trở về đoàn tụ thông qua công tác hòa giải tại Tòa án.

Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hai bên không có biện pháp để khắc phục tình trạng hôn nhân hiện nay, chị X nay có nguyện vọng ly hôn thấy rằng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay và theo biên bản xác định tình trạng hôn nhân với Ủy ban nhân dân xã L ngày 20/8/2020.

[2] Về con: Chị X và anh C có 02 con chung là cháu Hoàng Lê Châu A, sinh ngày 08/10/1999 và cháu Hoàng Lê Uyên N, sinh ngày 06/4/2008. Đối với cháu Hoàng Lê Châu A nay đã trưởng thành và đã tự sống độc lập nên không xem xét về việc nuôi con. Đối với cháu

Hoàng Lê Uyên N, sinh ngày 06/4/2008 hiện nay đang ở cùng với chị X và khi giải quyết ly hôn chị X đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hoàng Lê Uyên N và không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chấp nhận việc yêu cầu về nuôi con của chị X cũng là phù hợp với nguyện vọng là được ở với mẹ của cháu Hoàng Lê Uyên N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị X không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị X không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không có mặt; Tòa án đã cùng với Thôn trưởng của thôn anh C cư trú đã trực tiếp tổng đạt các văn bản tố tụng; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 193/TB-TA ngày 08/7/2020 nhưng anh C không nhận và không ký nhận và đã tiến hành mở phiên họp và kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh C không có mặt; chị X sau đó đã làm đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh C vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã hai lần tổng đạt hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị X được ly hôn anh Hoàng Văn C.

Về con: Chị Lê Thị X và anh Hoàng Văn C có 02 con chung là Hoàng Lê Châu A, sinh ngày 08/10/1999 (Đã thành niên) và cháu Hoàng Lê Uyên N, sinh ngày 06/4/2008. Giao chị

Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Lê Uyên N; anh Hoàng Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Lê Thị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị X không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Lê Thị X chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa theo biên lai thu số AA/0009928 ngày 08/6/2020 (Chị X đã thi hành xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Hoàng Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND huyện Hoằng Hóa.
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa.
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng